TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1259/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4215/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 27 đường L, Phường MB Quận N, Thành phố H

- *Bị đơn*: Ông Lam V, sinh năm 1970

Địa chỉ: 119 Tangerine Street, FairField East, New South Wales 2165, Australia.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai đề ngày 13/5/2019, nguyên đơn – bà Đặng T trình bày:

Bà và ông Lam V quen biết nhau qua sự giới thiệu của bạn bè sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 31/5/2017. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng do khoảng cách địa lý cả hai không có điều kiện ở cạnh nhau, bên cạnh đó thời gian tìm hiểu nhau rất ngắn nên khi có mâu

thuẫn thì không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết; hiện ông Lam V đang sinh sống, làm việc ở Úc và không về Việt Nam nữa.

Bà T cho rằng mục đích hôn nhân giữa Bà và ông Lam V không đạt được nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Giấy đồng ý ly hôn đề ngày 06/5/2019 (đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney – Australia chứng thực lãnh sự ngày 06/5/2019), bị đơn - ông Lam V trình bày:

Ông và bà Đặng T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 31/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau rất vui vẻ và hạnh phúc, tuy nhiên do công việc nên Ông phải về Úc nên thỉnh thoảng mới về Việt Nam thăm vợ; thời gian đầu xa cách vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhưng do khoảng cách địa lý cả hai không có điều kiện ở cạnh nhau nên thiếu sự quan tâm chăm sóc dẫn đến việc thiếu niềm tin và khi xảy ra mâu thuẫn thì không giải quyết kịp thời làm cho ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, hôn nhân giữa Ông và bà T đang dần đổ vỡ mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Ông Lam V đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Đặng T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng T và ông Lam V là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Quận N, Thành phố H, bị đơn có nơi cư trú tại Australia nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 31/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng T và ông Lam V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Đặng T và bị đơn ông Lam V thì sau khi ông Lam V trở về Úc để sinh sống và làm việc thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn phát sinh thường không được giải quyết kịp thời, bên cạnh đó cả hai hiện đang cư trú ở hai nước khác nhau làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Đặng T cho rằng cuộc sống chung giữa Bà và ông Lam T không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống riêng và ông Lam T cũng đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cả hai đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng T và ông Lam T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng T

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng T được ly hôn với ông Lam T

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0015139 ngày 29/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Đặng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Lam V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H;
- Cục THA dân sự Tp.H;
- UBND Quận 5, Tp.H;
- Sở Tư pháp Tp.H;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan